

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THẠCH THÀNH
TỈNH THANH HOÁ**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 57/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 30 - 8 - 2021

V/v: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THẠCH THÀNH TỈNH THANH HOÁ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Cúc

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Dân
2. Bà Bùi Thị Bích Thủy

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Văn Hùng – Thư ký Tòa án, TAND huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hoàn – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 8 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số:147/2021/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 7 năm 2021 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 59/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 8 năm 2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Bùi Thị H; Sinh năm: 1993

HKTT: Thôn M, xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa.

Địa chỉ hiện nay: Thôn C, xã C, huyện C, tỉnh Thanh Hóa. Vắng mặt (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

- Bị đơn: Anh Bùi Văn B; Sinh năm: 1993

HKTT và địa chỉ hiện nay: Thôn M, xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa. Vắng mặt (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 05/7/2021 và trong quá trình giải quyết vụ án, chị Bùi Thị H trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Bùi Văn B chung sống như vợ chồng từ tháng 8 năm 2014 và được hai bên gia đình tổ chức đám cưới theo phong tục của địa phương nhưng hai bên không đăng ký kết hôn. Sau ngày cưới vợ chồng hòa thuận được 02 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình không hòa hợp, không cùng chung quan điểm sống, không tin tưởng nhau nên thường xuyên xảy ra cãi cọ, cuộc sống không hạnh phúc. Chị đã về nhà bố mẹ đẻ hơn 01 năm nay và vợ chồng ly thân từ đó, không còn quan tâm gì đến nhau nữa. Nay chị xác định tình cảm với anh B không còn, không thể chung sống được nữa nên đề nghị TAND huyện Thạch Thành giải quyết không công nhận vợ chồng giữa chị và anh B.

Về con chung: Chị và anh B có 01 con chung là Bùi Thị Trà M, sinh ngày 11/8/2015. Ly hôn, chị yêu cầu được trực tiếp nuôi con và không yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị.

Về tài sản: Chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 12/7/2021, anh Bùi Văn B trình bày:

Về hôn nhân: Anh và chị Bùi Thị H chung sống như vợ chồng và được hai bên gia đình tổ chức cưới hỏi vào tháng 8 năm 2014 nhưng hai bên không đi đăng ký kết hôn. Sau ngày cưới, tình cảm vợ chồng hòa thuận được 05 năm thì bắt đầu có mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng tính tình không hòa hợp, không cùng chung quan điểm sống nên đôi lúc xảy ra cãi cọ, cuộc sống không hạnh phúc. Anh và chị H đã sống ly thân đến nay được hơn 01 năm, không còn quan hệ tình cảm với nhau nữa. Nay chị H đang làm thủ tục đề nghị Tòa án nhân dân huyện Thạch Thành giải quyết không công nhận anh và chị H là vợ chồng. Anh cũng đồng ý với ý kiến của chị H, đề nghị Tòa án tuyên bố anh và chị H không phải là vợ chồng.

Về con chung: Anh và chị H có một con chung là cháu Bùi Thị Trà M, sinh ngày 11/8/2015. Sau khi ly hôn, anh đề nghị được giao con cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng, anh không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị H.

Về tài sản: Anh B không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát:

Về tố tụng: Tòa án đã xác định đúng quan hệ pháp luật và tư cách tố tụng của các đương sự trong vụ án. Từ giai đoạn thụ lý vụ án cho đến khi mở phiên tòa xét xử sơ thẩm, Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án cũng như các thành viên của Hội đồng xét xử (Sau đây viết tắt là HĐXX) và Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự (Sau đây viết tắt là BLTTDS). Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình còn bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của BLTTDS.

Về nội dung: Đại diện Viện kiểm sát đề nghị áp dụng các Điều 14, 15, 81, 82, 83 Luật hôn nhân gia đình; Về hôn nhân: Không công nhận chị Bùi Thị H và anh Bùi Văn B là vợ chồng; Về con chung: Giao con chung là cháu Bùi Thị Trà M, sinh ngày 11/8/2015 cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng. Anh B không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, HĐXX nhận định:

Về tố tụng:

[1]. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành các biện pháp thu thập tài liệu, chứng cứ nên căn cứ khoản 2 Điều 97; Khoản 2 Điều 21 Bộ luật tố tụng dân sự (Sau đây viết tắt là BLTTDS), Điều 27 Thông tư liên tịch số 02/2016/TTLT-VKSNDTC-TANDTC ngày 31/8/2016, TAND huyện Thạch Thành thông báo cho VKSND huyện Thạch Thành biết để thực hiện chức năng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

[2]. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cho các bên đương sự nhưng anh B không có mặt nên Tòa án mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ vắng mặt anh B và đã thông báo kết quả kiểm tra việc

giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ cho anh B theo quy định tại khoản 3 Điều 210 BLTTDS.

[3]. Chị Bùi Thị H có đơn đề nghị không tiến hành hòa giải nên Tòa án không tiến hành hòa giải được, đây là trường hợp không tiến hành hoà giải được theo quy định tại khoản 4 Điều 207 BLTTDS.

[4]. Tại phiên tòa hôm nay, chị H và anh B vắng mặt nhưng đã có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238 BLTTDS, Tòa án xét xử vắng mặt chị H và anh B.

[5]. Về hôn nhân: Chị Bùi Thị H và anh Bùi Văn B chung sống như vợ chồng từ tháng 8 năm 2014 và được hai bên gia đình tổ chức đám cưới theo phong tục của địa phương nhưng hai bên không đăng ký kết hôn tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Việc này, cả chị H và anh B đều thừa nhận và cũng đã được Ủy ban nhân dân xã C huyện C và ủy ban nhân dân xã T huyện T xác nhận, đồng thời cũng phù hợp với nội dung mà Tòa án tiến hành xác minh. Nay cả chị H và anh B đều yêu cầu Tòa án không công nhận là vợ chồng. Do đó, HĐXX căn cứ các Điều 14, 15 Luật hôn nhân và gia đình, không công nhận chị H và anh B là vợ chồng.

[6]. Về con chung: Chị H và anh B thừa nhận quá trình chung sống, anh chị có 01 con chung là cháu Bùi Thị Trà M, sinh ngày 11/8/2015. Trong giấy khai sinh của cháu Trà M có ghi “*Họ, tên người mẹ: Bùi Thị H. Họ, tên người cha: Bùi Văn B*”. Như vậy có đủ căn cứ xác định cháu Trà M là con chung của chị H và anh B. Ly hôn, cả chị H và anh B đều yêu cầu giao cháu Trà M cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng, anh B không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Nghĩ nên chấp nhận yêu cầu của chị H và anh B.

[7]. Về tài sản: Chị H và anh B không yêu cầu giải quyết nên miễn xét.

[8]. Về án phí: Chị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 14, 15, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; Điểm a, khoản 5, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

1. Về hôn nhân: Không công nhận chị Bùi Thị H và anh Bùi Văn B là vợ chồng.

2. Về con chung: Giao cháu Bùi Thị Trà M, sinh ngày 11/8/2015 cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng, anh B không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị H.

Anh B có quyền qua lại thăm nom con chung, không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Bùi Thị H phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn, nhưng được trừ vào số tiền chị H đã nộp tạm ứng án phí tại Chi cục Thi hành án dân sự Thạch Thành, theo biên lai số AA/2018/0003194 ngày 06/7/2021. Chị H đã nộp đủ tiền án phí.

Trường hợp bản án được thi hành theo điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm, vắng mặt chị Bùi Thị H và anh Bùi Văn B. Chị H và anh B có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Thạch Thành;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Cúc